

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

Số: 1099/TMP-TCKT

V/v giải trình kết quả kinh doanh  
hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (mã CK: TMP) giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 của Công ty tăng so với năm 2021 (năm 2022: 580,08 tỷ đồng, năm 2021: 359,91 tỷ đồng) do: Doanh thu bán điện - Thủy điện trong kỳ tăng, sản lượng điện sản xuất năm 2022 là 969 triệu kWh tăng so với năm 2021 là 765 triệu kWh.

Trên đây là giải trình kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán của Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ.

Trân trọng.

*Nơi nhận :*

- Như trên;
- Lưu TCKT, VT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Huỳnh Văn Khánh**



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký** 4403000108 ngày 1 tháng 1 năm 2008  
**Kinh doanh/Doanh nghiệp số** 3800311306 ngày 20 tháng 5 năm 2021

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần thay đổi gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 ngày 19 tháng 7 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên
	(từ ngày 24 tháng 11 năm 2022)
Ông Đoàn Đức Toàn	Thành viên
	(từ ngày 20 tháng 5 năm 2022
	đến ngày 24 tháng 11 năm 2022)

**Ban Kiểm soát**

Ông Hồ Thành Công	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Lại Lệ Hương	Thành viên
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên
	(từ ngày 20 tháng 5 năm 2022)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Non	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện theo pháp luật** Ông Nguyễn Văn Non Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Khu 5, Phường Thác Mơ  
Thị xã Phước Long  
Tỉnh Bình Phước  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 15 tháng 3 năm 2023





KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00326-23-2



Trần Thị Lệ Hằng  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3782-2022-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023





**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.117.550.368.895</b>	<b>750.996.018.192</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>30.391.831.051</b>	<b>91.051.265.774</b>
Tiền	111		6.471.921.951	5.291.265.774
Các khoản tương đương tiền	112		23.919.909.100	85.760.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6(a)</b>	<b>752.000.000.000</b>	<b>433.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		752.000.000.000	433.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>331.536.387.434</b>	<b>223.942.581.143</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	285.403.741.195	184.644.072.090
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.481.083.272	1.180.625.043
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	44.651.562.967	46.188.644.181
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(8.070.760.171)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>2.650.096.797</b>	<b>1.903.229.064</b>
Hàng tồn kho	141		2.650.096.797	1.903.229.064
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>972.053.613</b>	<b>1.098.942.211</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		212.149.349	156.107.944
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16(b)	759.904.264	942.834.267

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.176.834.143.441</b>	<b>1.238.786.419.678</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>854.107.000</b>	-
Phải thu dài hạn khác	216		854.107.000	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>868.889.918.514</b>	<b>945.941.213.564</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	856.979.259.820	934.378.552.023
Nguyên giá	222		3.189.805.891.112	3.179.308.834.300
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.332.826.631.292)	(2.244.930.282.277)
Tài sản cố định vô hình	227	11	11.910.658.694	11.562.661.541
Nguyên giá	228		17.533.656.248	16.553.233.650
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.622.997.554)	(4.990.572.109)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.944.512.876</b>	<b>1.943.292.479</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	6.944.512.876	1.943.292.479
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>285.517.910.209</b>	<b>275.443.454.456</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		134.657.910.209	124.583.454.456
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		150.860.000.000	150.860.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.627.694.842</b>	<b>15.458.459.179</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	12.281.467.932	11.927.372.181
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	813.362.566	943.859.274
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.532.864.344	2.587.227.724
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.294.384.512.336</b>	<b>1.989.782.437.870</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>606.437.297.369</b>	<b>587.917.677.594</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>225.759.601.306</b>	<b>155.127.434.937</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	39.553.135.707	30.506.889.562
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(a)	79.039.492.787	36.878.620.871
Phải trả người lao động	314		28.605.165.708	25.157.913.472
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.710.671.011	4.189.172.892
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	12.958.445.118	12.313.845.760
Vay ngắn hạn	320	19(a)	54.853.956.580	43.262.245.888
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	8.038.734.395	2.818.746.492
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>380.677.696.063</b>	<b>432.790.242.657</b>
Vay dài hạn	338	19(b)	359.977.696.063	413.709.874.190
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	2.518.473.500
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	21	20.700.000.000	16.561.894.967
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.687.947.214.967</b>	<b>1.401.864.760.276</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>1.687.947.214.967</b>	<b>1.401.864.760.276</b>
Vốn cổ phần	411	23	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	294.484.564.126	235.522.191.215
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		594.233.893.080	365.373.138.490
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		77.179.829.119	12.356.061.406
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		517.054.063.961	353.017.077.084
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		42.774.389.670	44.515.062.480
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.294.384.512.336</b>	<b>1.989.782.437.870</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Đâu Đình Trung  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>1.070.306.279.118</b>	<b>748.324.032.680</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>28</b>	<b>333.976.710.677</b>	<b>285.716.609.036</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>736.329.568.441</b>	<b>462.607.423.644</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	50.007.587.157	35.533.630.744
Chi phí tài chính	22		35.242.089.381	33.029.916.955
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		35.242.089.381	33.029.916.955
Phần lãi trong công ty liên kết	24	6(b)(i)	20.074.455.753	24.751.749.456
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	68.331.303.151	58.559.130.998
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 26}</b>	<b>30</b>		<b>702.838.218.819</b>	<b>431.303.755.891</b>
Thu nhập khác	31		4.629.857.817	368.028.627
Chi phí khác	32		-	1.475.437.701
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>4.629.857.817</b>	<b>(1.107.409.074)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>707.468.076.636</b>	<b>430.196.346.817</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>32</b>	<b>127.262.216.237</b>	<b>70.153.825.867</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>32</b>	<b>130.496.708</b>	<b>130.496.708</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>580.075.363.691</b>	<b>359.912.024.242</b>
<b>Trong đó:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		573.354.063.961	353.217.077.084
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.721.299.730	6.694.947.158
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	33	8.191	4.768

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Đậu Đình Trung  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>707.468.076.636</b>	<b>430.196.346.817</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		90.703.211.073	88.848.242.183
Các khoản dự phòng	03		(2.518.473.500)	(87.105.500)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		-	(55.571.354)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(50.007.587.157)	(35.533.630.744)
Lãi trong công ty liên kết	05		(20.074.455.753)	(24.751.749.456)
Chi phí lãi vay	06		35.242.089.381	33.029.916.955
Điều chỉnh khác	07		2.060.518.420	13.792.232.017
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>762.873.379.100</b>	<b>505.438.680.918</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(105.259.611.264)	(82.942.510.850)
Biến động hàng tồn kho	10		307.495.647	1.150.880.190
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		4.528.724.051	43.872.647.715
Biến động chi phí trả trước	12		(410.137.156)	(647.108.751)
			<b>662.039.850.378</b>	<b>466.872.589.222</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(35.087.669.045)	(32.577.080.306)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(76.208.084.782)	(71.204.907.115)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.103.378.597)	(11.478.545.833)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>535.640.717.954</b>	<b>351.612.055.968</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(19.148.199.807)	(160.040.639.240)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	55.571.354
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(851.500.000.000)	(569.297.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24		532.500.000.000	810.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(52.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		56.819.285.130	34.571.735.776
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(281.328.914.677)</b>	<b>63.789.667.890</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	124.607.180.346
Tiền trả nợ gốc vay	34		(42.140.467.435)	(3.000.000.000)
Tiền trả cổ tức cho các cổ đông của công ty mẹ	36		(265.342.758.200)	(504.472.941.441)
Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông không kiểm soát	36		(7.488.012.365)	(5.825.411.688)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(314.971.238.000)</b>	<b>(388.691.172.783)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(60.659.434.723)</b>	<b>26.710.551.075</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>91.051.265.774</b>	<b>64.340.714.699</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>30.391.831.051</b>	<b>91.051.265.774</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



**Đâu Đình Trung**  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




**Bùi Thị Kim Na**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Văn Non**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Ngày 18 tháng 6 năm 2009, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán là TMP.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động sản xuất kinh doanh**

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng (thủy điện và điện mặt trời);
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí quan trắc công trình, thí nghiệm các sản phẩm dầu mỏ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây công nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ du lịch; và
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của các nhà máy điện.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Nhóm Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (1/1/2022: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết), được liệt kê dưới đây:

Tên đơn vị	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu vốn tại ngày		Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày	
		31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022
<b>Các công ty con</b>					
▪ Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Kinh doanh thủy điện	99,92%	99,92%	100,00%	100,00%
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Kinh doanh thủy điện	61,17%	61,17%	61,17%	61,17%
<b>Các công ty liên kết</b>					
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Kinh doanh phong điện	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty có 159 nhân viên (1/1/2022: 159 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nhóm Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán áp dụng cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) *Mất quyền kiểm soát***

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**(iv) *Công ty liên kết***

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư trong công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất***

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

**(b) *Các giao dịch bằng ngoại tệ***

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Nhóm Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	7 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 11 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 29 đến 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Nguyên giá xây dựng cơ bản dở dang được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Khấu hao không được tính cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(ii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN mà theo đó chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào chi phí trong năm khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chi phí phát sinh của các công trình sửa chữa lớn chưa được hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng tại thời điểm cuối năm được theo dõi trên tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang”.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

**(k) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

***Chi phí khôi phục hiện trường***

Theo quy định hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất mà Nhóm Công ty đã xây dựng nhà máy thủy điện khi kết thúc Hợp đồng thuê đất. Do tính chất dài hạn của nghĩa vụ này, yếu tố không chắc chắn trọng yếu nhất trong việc ước tính khoản dự phòng này là các chi phí sẽ phát sinh trong tương lai. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công việc yêu cầu đối với việc hoàn nguyên môi trường là không chắc chắn. Do đó, Nhóm Công ty chưa ước tính và ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(m) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty được trích lập từ thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ này được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

**(n) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(o) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty và các công ty con được trích lập theo Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(r) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Nhóm Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(s) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm, khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.





**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(v) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(w) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.261.106.498	57.194
Tiền gửi ngân hàng	5.210.815.453	5.291.208.580
Các khoản tương đương tiền	23.919.909.100	85.760.000.000
	30.391.831.051	91.051.265.774

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,2% đến 3,5% (1/1/2022: 3,2% đến 3,5%).

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	<b>31/12/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	752.000.000.000	752.000.000.000	433.000.000.000	433.000.000.000
	752.000.000.000		433.000.000.000	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 6,2% đến 8,5% (1/1/2022: 3,9% đến 5,1%).



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2022				1/1/2022					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc/ Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc/ Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết (i)</b>										
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	10.000.000	20,00%	133.257.910.209	-	(*)	10.000.000	20,00%	123.183.454.456	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy điện Thác Mơ	140.000	35,00%	1.400.000.000	-	(*)	140.000	35,00%	1.400.000.000	-	(*)
			134.657.910.209	-				124.583.454.456	-	
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>										
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000	3%	149.580.000.000	-	177.795.000.000	13.500.000	3%	149.580.000.000	-	256.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện - Điện lực Đồng Nai	150.000	10%	1.280.000.000	-	(*)	150.000	10%	1.280.000.000	-	(*)
			150.860.000.000	-				150.860.000.000	-	
			285.517.910.209	-				275.443.454.456	-	

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi tiết đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Lãi lũy kế VND	Giá gốc VND	Lãi lũy kế VND
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	100.000.000.000	33.257.910.209	100.000.000.000	23.183.454.456
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy điện Thác Mơ	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
	<b>101.400.000.000</b>	<b>33.257.910.209</b>	<b>101.400.000.000</b>	<b>23.183.454.456</b>

Biến động các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	124.583.454.456	47.831.705.000
Phân lãi trong công ty liên kết trong năm	20.074.455.753	24.751.749.456
Tăng vốn góp trong năm	-	52.000.000.000
Cổ tức nhận được trong năm	(10.000.000.000)	-
Số dư cuối năm	<b>134.657.910.209</b>	<b>124.583.454.456</b>

(\*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.





**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	251.545.583.617	148.800.677.421
Các khách hàng khác	33.858.157.578	35.843.394.669
	<hr/>	<hr/>
	285.403.741.195	184.644.072.090

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	251.545.583.617	148.800.677.421
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	10.098.878.797	10.098.878.797
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	5.320.781.877	5.605.375.691
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	6.810.739.718	6.971.475.775
Tập đoàn Điện lực Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	3.833.161.704	3.755.593.048
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Bên liên quan</i></b>		
Phải thu Ban quản lý Dự án Thủy điện 6 từ việc trả hộ cho dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng	27.267.692.037	27.267.692.037
Tập đoàn điện lực Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	3.264.494.624	2.339.254.146
<b><i>Bên thứ ba</i></b>		
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	8.182.250.447	4.993.948.420
Các khoản phải thu khác	5.937.125.859	11.587.749.578
	<hr/>	<hr/>
	44.651.562.967	46.188.644.181

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá gốc</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	1.437.798.779	1.217.048.630
Công cụ và dụng cụ	23.629.498	12.569.500
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.188.668.520	673.610.934
	<hr/>	<hr/>
	<b>2.650.096.797</b>	<b>1.903.229.064</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Nhóm Công ty không có hàng tồn kho mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.731.815.325.123	1.237.094.799.675	181.089.854.931	29.308.854.571	3.179.308.834.300
Tăng trong năm	2.560.695.582	1.577.518.552	1.054.900.273	1.709.899.182	6.903.013.589
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.594.043.223	-	-	-	3.594.043.223
Số dư cuối năm	1.737.970.063.928	1.238.672.318.227	182.144.755.204	31.018.753.753	3.189.805.891.112
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	1.389.042.171.247	733.420.904.470	115.941.671.613	6.525.534.947	2.244.930.282.277
Khấu hao trong năm	23.423.028.464	56.480.147.295	7.154.341.117	3.013.268.752	90.070.785.628
Điều chỉnh khác (i)	2.510.885.734	(11.172.155.952)	4.890.870.143	1.595.963.462	(2.174.436.613)
Số dư cuối năm	1.414.976.085.445	778.728.895.813	127.986.882.873	11.134.767.161	2.332.826.631.292
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	342.773.153.876	503.673.895.205	65.148.183.318	22.783.319.624	934.378.552.023
Số dư cuối năm	322.993.978.483	459.943.422.414	54.157.872.331	19.883.986.592	856.979.259.820

(i) Trong năm 2022, Nhóm Công ty đã điều chỉnh giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình theo kết quả kiểm toán nhà nước năm 2021.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố nguyên giá 1.946.768 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 1.946.068 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 500.992 triệu VND (1/1/2022: 556.632 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19(b)).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	16.325.753.650	227.480.000	16.553.233.650
Tăng trong năm	-	980.422.598	980.422.598
Số dư cuối năm	16.325.753.650	1.207.902.598	17.533.656.248
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.790.976.146	199.595.963	4.990.572.109
Khấu hao trong năm	508.473.744	123.951.701	632.425.445
Số dư cuối năm	5.299.449.890	323.547.664	5.622.997.554
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	11.534.777.504	27.884.037	11.562.661.541
Số dư cuối năm	11.026.303.760	884.354.934	11.910.658.694

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 227 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 69 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
Số dư đầu năm	1.943.292.479	2.869.359.794
Tăng trong năm	23.253.906.724	100.040.625.216
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<b>8.595.263.620</b>	<b>95.539.330.214</b>
<i>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	<b>14.658.643.104</b>	<b>4.501.295.002</b>
Quyết toán công trình sửa chữa lớn tài sản cố định	(14.658.643.104)	(4.501.295.002)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.594.043.223)	(96.465.397.529)
Số dư cuối năm	6.944.512.876	1.943.292.479

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Văn phòng làm việc tại Thành phố Đồng Xoài	6.298.368.673	1.297.148.276
Cụm Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Thác Mơ 375MWp	646.144.203	646.144.203
	6.944.512.876	1.943.292.479





**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí sửa chữa và bảo trì VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	5.460.792.800	3.344.772.631	3.121.806.750	11.927.372.181
Tăng trong năm	4.605.752.155	-	358.259.000	4.964.011.155
Phân bổ trong năm	(3.542.164.328)	(74.441.843)	(1.291.917.085)	(4.908.523.256)
Điều chỉnh khác (i)	-	-	298.607.852	298.607.852
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.524.380.627</b>	<b>3.270.330.788</b>	<b>2.486.756.517</b>	<b>12.281.467.932</b>

- (i) Trong năm 2022, Nhóm Công ty đã điều chỉnh chi phí trả trước dài hạn theo kết quả kiểm toán nhà nước năm 2021.

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	813.362.566	943.859.274

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Đồng Tâm Đà Lạt	5.410.755.888	1.948.457.562
Công ty TNHH Thành Phát	4.241.620.333	638.486.785
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Đức Khanh	4.211.740.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Xây dựng KCT	1.142.186.588	2.366.879.694
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ	-	2.669.500.000
Thông tin	-	2.669.500.000
Các nhà cung cấp khác	24.546.832.898	22.883.565.521
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.553.135.707</b>	<b>30.506.889.562</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số cán trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2022 VND
<b>Thuế</b>						
Thuế giá trị gia tăng	4.900.607.523	88.689.364.633	(5.567.245.581)	(83.438.783.910)	-	4.583.942.665
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.673.863.801	127.262.216.237	-	(76.208.084.782)	-	62.727.995.256
Thuế thu nhập cá nhân	213.001.594	7.469.245.065	(43.626.975)	(7.238.459.521)	-	400.160.163
Thuế tài nguyên	4.974.800.117	89.866.374.514	-	(91.366.839.991)	-	3.474.334.640
Các loại thuế khác	-	2.804.527.727	(606.762.617)	(2.637.095.836)	467.459.589	28.128.863
<b>Các khoản phải nộp khác</b>						
Phí dịch vụ môi trường rừng	8.303.887.836	34.666.748.316	-	(35.145.704.952)	-	7.824.931.200
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	6.812.460.000	7.862.027.000	-	(14.674.487.000)	-	-
	36.878.620.871	358.620.503.492	(6.217.635.173)	(310.709.455.992)	467.459.589	79.039.492.787

**(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số cán trừ trong năm VND	Chuyển từ thuế phải nộp VND	31/12/2022 VND
Thuế thu nhập cá nhân	336.071.650	(43.626.975)	-	292.444.675
Các loại thuế khác	606.762.617	(606.762.617)	467.459.589	467.459.589
	942.834.267	(650.389.592)	467.459.589	759.904.264



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	720.923.652	566.503.316
Chi phí thuê đất	-	884.222.880
Chi phí khác	1.989.747.359	2.738.446.696
	<hr/>	<hr/>
	2.710.671.011	4.189.172.892
	<hr/>	<hr/>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	11.527.592.862	10.591.970.927
Kinh phí công đoàn	173.180.000	175.328.000
Các khoản phải trả khác	1.257.672.256	1.546.546.833
	<hr/>	<hr/>
	12.958.445.118	12.313.845.760
	<hr/>	<hr/>

**19. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ</b>		<b>Biến động trong năm</b>		<b>Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>1/1/2022</b>	<b>VND</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn đến hạn trả	43.262.245.888	53.732.178.127	(42.140.467.435)		54.853.956.580	
	<hr/>					

007  
 IÁNH  
 TÍNH  
 IG  
 CHỈ

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	414.831.652.643	456.972.120.078
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(54.853.956.580)	(43.262.245.888)
	359.977.696.063	413.709.874.190
	359.977.696.063	413.709.874.190

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Khoản vay từ:</b>					
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước (i)	VND	8,60-8,80% Lãi suất tiết kiệm 12 tháng +	2024	8.000.000.000	12.000.000.000
▪ Ngân hàng Shinhan Việt Nam (ii)	VND	2-2,3%	2030	406.831.652.643	444.972.120.078
				414.831.652.643	456.972.120.078
				414.831.652.643	456.972.120.078

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 20.004 triệu VND (1/1/2022: 22.226 triệu VND) (Thuyết minh 10).

(ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 495.000 triệu VND, được sử dụng để tài trợ cho dự án xây dựng nhà máy điện mặt trời có công suất 50MWp.

Khoản vay này sẽ được hoàn trả trong 34 kỳ, tiền gốc sẽ được hoàn hàng quý bắt đầu từ tháng 6 năm 2022. Tiền lãi được hoàn hàng quý bắt đầu từ tháng 12 năm 2020. Trong năm 2022, Nhóm Công ty đã ký phụ lục hợp đồng số SHBVN/CMC/122020/HDTD/TMP.PL01 ngày 27 tháng 6 năm 2022 để điều chỉnh lịch trả nợ. Theo đó, khoản vay trên sẽ được hoàn trả trong 35 kỳ.

Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 480.988 triệu VND (1/1/2022: 534.406 triệu VND) (Thuyết minh 10).



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.818.746.492	4.826.843.292
Trích lập từ LNST chưa phân phối của năm trước (Thuyết minh 22)	19.926.516.500	7.112.344.000
Tạm trích lập từ LNST chưa phân phối năm nay (Thuyết minh 22)	300.000.000	200.000.000
Sử dụng trong năm	(15.006.528.597)	(9.320.440.800)
	8.038.734.395	2.818.746.492

**21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Nhóm Công ty.

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	16.561.894.967	3.720.000.000
Trích lập trong năm	5.700.000.000	15.000.000.000
Hoàn nhập trong năm	(1.465.044.967)	-
Sử dụng trong năm	(96.850.000)	(2.158.105.033)
	20.700.000.000	16.561.894.967

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	700.000.000.000	56.454.368.091	178.253.506.741	583.719.012.035	44.359.075.150	1.562.785.962.017
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	353.217.077.084	6.694.947.158	359.912.024.242
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	57.268.684.474	(57.268.684.474)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST chưa phân phối của năm trước	-	-	-	(6.786.498.172)	(325.845.828)	(7.112.344.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST chưa phân phối năm nay	-	-	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(506.100.000.000)	(6.213.114.000)	(512.313.114.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(1.207.767.983)	-	(1.207.767.983)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	700.000.000.000	56.454.368.091	235.522.191.215	365.373.138.490	44.515.062.480	1.401.864.760.276
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	573.354.063.961	6.721.299.730	580.075.363.691
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	58.962.372.911	(58.962.372.911)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST chưa phân phối của năm trước	-	-	-	(19.230.936.460)	(695.580.040)	(19.926.516.500)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST chưa phân phối năm nay	-	-	-	(300.000.000)	-	(300.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(266.000.000.000)	(7.766.392.500)	(273.766.392.500)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	700.000.000.000	56.454.368.091	294.484.564.126	594.233.893.080	42.774.389.670	1.687.947.214.967



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	<b>31/12/2022 và 1/1/2022</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo:

	<b>31/12/2022 và 1/1/2022</b>		
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>% sở hữu</b>
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	36.341.500	363.415.000.000	51,92%
Công ty TNHH Năng Lượng REE	29.843.740	298.437.400.000	42,63%
Các cổ đông khác	3.814.760	38.147.600.000	5,45%
	<b>70.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần, và công ty mẹ cấp cao nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, đều được thành lập tại Việt Nam.

**24. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 5 năm 2022, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 210.000 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: phân phối khoản cổ tức 506.100 triệu VND, tương đương 7.230 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020).

Tại cuộc họp ngày 6 tháng 12 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2022 cho các cổ đông là 56.000 triệu VND, tương đương 800 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong năm như sau:

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	235.522.191.215	178.253.506.741
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	58.962.372.911	57.268.684.474
Số dư cuối năm	<u>294.484.564.126</u>	<u>235.522.191.215</u>

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.538.310.846	1.223.634.839
Trong vòng hai đến năm năm	14.644.080.808	4.894.539.356
Trên năm năm	21.177.677.491	22.401.312.330
	<u>39.360.069.145</u>	<u>28.519.486.525</u>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	6.211.460.000	5.676.292.540





**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu khác từ khách vãng lai trước cổ phần hóa	Không có khả năng thu hồi	2022	8.070.760.171	-

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	1.057.988.383.332	733.649.731.070
▪ Cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	12.317.895.786	14.674.301.610
	<b>1.070.306.279.118</b>	<b>748.324.032.680</b>

**28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn		
▪ Sản xuất điện	323.734.195.047	273.488.745.771
Chi phí khấu hao và phân bổ	90.116.948.935	87.114.020.848
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	132.395.149.830	105.024.138.985
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	14.658.643.104	4.501.295.002
Chi phí nhân công	42.470.044.538	37.122.139.172
Chi phí nguyên vật liệu	13.293.012.809	8.411.964.317
Chi phí khác	30.800.395.831	31.315.187.447
▪ Dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	10.242.515.630	12.227.863.265
	<b>333.976.710.677</b>	<b>285.716.609.036</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	28.227.587.157	21.808.630.744
Thu nhập cổ tức	21.780.000.000	13.725.000.000
	<hr/> 50.007.587.157	<hr/> 35.533.630.744

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	22.858.578.842	19.933.259.044
Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	4.234.955.033	15.000.000.000
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.032.301.852	1.733.276.594
Thuế, phí và lệ phí	374.839.404	1.508.146.802
Chi phí khác	38.830.628.020	20.384.448.558
	<hr/> 68.331.303.151	<hr/> 58.559.130.998

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	13.722.957.831	8.904.707.886
Chi phí nhân công và nhân viên	65.328.623.380	57.055.398.216
Chi phí khấu hao và phân bổ	90.703.211.073	88.848.242.183
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	14.658.643.104	4.501.295.002
Thuế, phí và lệ phí	132.769.989.234	106.532.285.787
Chi phí khác	85.124.589.206	78.433.810.960
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Năm hiện hành	126.627.997.157	70.153.825.867
Dự phòng thiếu trong những năm trước	634.219.080	-
	<hr/> 127.262.216.237	<hr/> 70.153.825.867
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	130.496.708	130.496.708
	<hr/> 127.392.712.945	<hr/> 70.284.322.575

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	707.468.076.636	430.196.346.817
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	141.493.615.327	86.039.269.363
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(1.127.520.529)	(3.317.347.424)
Ưu đãi thuế	(4.079.318.642)	(5.464.091.732)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	94.078.160	268.350.766
Thu nhập không tính thuế	(9.510.891.151)	(7.695.349.891)
Chi phí không được khấu trừ thuế	522.749.780	453.491.493
Biến động chênh lệch tạm thời	(634.219.080)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	634.219.080	-
	<hr/> 127.392.712.945	<hr/> 70.284.322.575

001-2  
 NH  
 TNH  
 G  
 CHÍ

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

**Công ty**

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động sản xuất và kinh doanh thủy điện và hoạt động kinh doanh khác.

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ kể từ năm đầu tiên Dự án đầu tư điện mặt trời của Công ty có doanh thu (2020). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên Dự án đầu tư điện mặt trời có doanh thu (2020 đến 2023) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2024 đến 2032).

**Công ty con**

- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa được áp dụng thuế suất 10% từ năm 2007 đến năm 2021, được miễn thuế trong 4 năm (2007 – 2010) và giảm 50% trong 9 năm (2011 – 2019).
- Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên được áp dụng thuế suất 10% từ năm 2015 đến năm 2029, được miễn thuế trong 4 năm (2015 – 2018) và giảm 50% trong 9 năm (2019 – 2027).

**33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2022 VND	2021 (điều chỉnh lại) VND	2021 (theo báo cáo trước đây) VND
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	573.354.063.961	353.217.077.084	353.217.077.084
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(19.430.936.460)	-
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông</b>	<b>573.354.063.961</b>	<b>333.786.140.624</b>	<b>353.217.077.084</b>

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Nhóm Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Nếu Nhóm Công ty phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại sau khi Nhóm Công ty nhận được số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 được phê duyệt.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2022</b> <b>Cổ phiếu</b>	<b>2021</b> <b>Cổ phiếu</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	70.000.000	70.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	<u>70.000.000</u>	<u>70.000.000</u>

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2022</b> <b>VND/cổ phiếu</b>	<b>2021</b> <b>(điều chỉnh lại)</b> <b>VND/cổ phiếu</b>	<b>2021</b> <b>(theo báo cáo trước đây)</b> <b>VND/cổ phiếu</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.191	4.768	5.046

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại do lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại.

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b> <b>Tập đoàn Điện Lực Việt Nam</b> Cung cấp dịch vụ	7.484.596.933	7.004.493.252
<b>Công ty mẹ</b> <b>Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần</b> Chia cổ tức	138.097.700.000	262.749.045.000

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Năng Lượng REE</b>		
Chia cổ tức	113.406.212.000	215.770.240.200
<b>Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện Lực Việt Nam</b>		
Bán điện	1.057.311.833.446	732.920.715.622
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</b>		
Bán điện	362.967.720	387.160.150
<b>Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam</b>		
Bán điện	313.582.166	341.855.298
Mua hàng hóa dịch vụ	4.504.762.640	2.027.740.860
<b>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh</b>		
Cổ tức được chia	21.600.000.000	13.500.000.000
<b>Công ty Cổ phần Cơ điện - Điện lực Đồng Nai</b>		
Cổ tức được chia	180.000.000	225.000.000
<b>Công ty Viễn thông điện lực và Công nghệ thông tin</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	332.574.947	305.275.976
<b>Trường cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	68.414.816	169.388.659
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty</b>		
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	813.187.000	393.648.000
<b>Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.448.896.000	1.108.428.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<b>Huỳnh Văn Khánh – Chủ tịch</b>		
Tiền lương và thù lao	849.054.000	649.396.000
<b>Nguyễn Quang Quyền – Thành viên</b>		
Thù lao	110.400.000	72.000.000
<b>Nguyễn Văn Non – Thành viên</b>		
Thù lao	-	72.000.000
<b>Lê Tuấn Hải – Thành viên</b>		
Thù lao	110.400.000	72.000.000

042-007  
 NHÁNH  
 TY TNHH  
 PMG  
 Ô HỒ CH



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Đoàn Đức Toàn – Thành viên</b>		
Thù lao	56.580.000	-
<b>Nguyễn Lê Hoàng – Thành viên</b>		
Thù lao	11.132.000	-
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao	929.062.000	617.471.000

**35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	2022 VND	2021 VND
Xây dựng cơ bản dở dang phát sinh nhưng chưa thanh toán	2.669.500.000	54.216.135.676

**36. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Đâu Đình Trung  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:





Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc

